

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS-PT

Ngày: 04-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Lê Thanh Vân**.

2/ Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 130/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo **Lê Thị Kim O** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HSST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Kim O, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Tấn K** và bà **Nguyễn Thị Kim H**; Bị cáo có chồng tên **Lê Văn L** và 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kim O:

1. Bà **Nguyễn Tuyết N** – Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông **Lê Minh N1** – Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại: Trần Quang Y, sinh năm 1974 (có mặt);
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Lê Thị Kim P**, sinh năm 1968 (vắng mặt);
2. **Lê Thị Kim L1**, sinh năm 1969 (vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: Đường N, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. **Lê Thị Kim Y1**, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Đường Đ, Phường N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
4. **Cao Thị N2**, sinh năm: 1973 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ và mua đất nên bị cáo Lê Thị Kim O nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Trần Quang Y (là người có quen biết với O) với thủ đoạn kêu bán đất của các chị em ruột và nói dối là được ủy quyền, trong khi đó thực tế là không có sự đồng ý hay ủy quyền của những người chị em này gồm Lê Thị Kim P, Lê Thị Kim L1 và Lê Thị Kim Y1.

Khoảng tháng 4/2018, tại nhà của bị cáo, bị cáo nói anh Y là chị Y1 cần chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41 có diện tích là 300m² tại Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang do chị Y1 đứng tên với giá là 300.000.000 đồng, bị cáo được ủy quyền thực hiện giao dịch nên anh Y tin và đồng ý. Anh Y đã giao hai lần tiền đặt cọc, ngày 17/4/2018 giao 20.000.000 đồng và ngày 26/4/2018 giao số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng.

Khoảng tháng 5/2018, bị cáo tiếp tục nói với anh Y là chị P và chị L có hai thửa đất số 63, 83 có diện tích mỗi thửa là 300m² tại Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang do chị P, chị L đứng tên quyền sử dụng đất và gần phần đất của chị Y1 cũng cần chuyển nhượng với giá 290.000.000 đồng mỗi thửa, bị cáo được ủy quyền giao dịch nên anh Y tin, đồng ý mua tiếp hai phần đất này. Ngày 24/5/2018 anh Y đặt cọc cho bị cáo hai thửa đất 63 và 83 là 60.000.000 đồng, đến ngày 28/5/2018 anh Y đặt cọc cho bị cáo 03 thửa đất là 90.000.000 đồng. Bị cáo yêu cầu anh Y chủ động ứng tiền đóng thuế để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 thửa đất trên, xong sẽ làm Hợp đồng chuyển nhượng, anh Y đã đóng thuế và phí là 81.000.000 đồng. Đến ngày 06/7/2018 anh Y giao tiếp cho bị cáo tiền cọc là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền đặt cọc (nhiều lần) cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 03 thửa 41, 63 và 83 mà bị cáo đã nhận của anh Y là 351.000.000 đồng (gồm cả tiền đóng thuế là 81.000.000 đồng, không có tiền lệ phí). Sau đó, anh Y đã nhiều lần yêu cầu bị cáo liên hệ với chị L, P, Y1 để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh thì bị cáo hèn anh Y nhiều lần, đến tháng 12/2018 thì anh Y phát hiện bị cáo lừa đảo nên trình báo cơ quan Công an.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HSST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Kim O phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38l; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim O 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

* Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, phần án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 27 tháng 9 năm 2019, bị cáo Lê Thị Kim O có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, còn nội dung kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ. Sau cùng Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Các giấy tờ giao kèo đặt cọc và bán đất mà anh Y cung cấp tại Cơ quan điều tra đều ghi người bán là chị Lê Thị Kim P, Lê Thị Kim L1 và Lê Thị Kim Y1. Bị cáo O chỉ ký thay người nhận tiền cọc. Hợp đồng đặt cọc này là giao dịch dân sự bị vô hiệu vì khi đó các phần đất này đều chưa có giấy chủ quyền. Anh Y biết rõ 03 thửa đất này của chị L, Y1 và P không phải của bị cáo mà vẫn mua vì anh tin tưởng bị cáo có giấy ủy quyền của chủ đất nên đã giao tiền. Anh Y cũng thừa nhận là có thiếu sót khi không kiểm tra giấy ủy quyền của bị cáo và anh Y với bị cáo có thỏa thuận khi nào đất có giấy chủ quyền thì 03 người chị em của bị cáo sẽ ra công chứng làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh. Hành vi của bị cáo có sai và sự gian dối của bị cáo chưa đủ sức làm cho bị hại tin tưởng nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngoài ra việc anh Y tự ý đi làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nộp thuế trước bạ của 03 thửa đất trên và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Y1, P và L mà không được sự đồng ý hay ủy quyền của 03 người này là không đúng với trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ. Sau cùng Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án, đình chỉ vụ án, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo O cho rằng bị cáo không lừa đảo anh Y. Đồng thời, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào các ngày 17/4 và ngày 24/5/2018 bị cáo O có giao kèo đặt cọc và bán đất cho anh Y 03 thửa đất là thửa số 41, thửa 63 và thửa 83 với giá: thửa 63, thửa 83 giá 290.000.000 đồng/thửa; còn thửa 41 giá 300.000.000 đồng. Theo nội dung của giấy giao kèo này thì người bán là chị Lê Thị Kim P, Lê Thị Kim L1 và Lê Thị Kim Y1, còn bị cáo O chỉ ký thay người nhận tiền cọc. Anh Y cho rằng bị cáo O nói các chị em của bị cáo có nhờ bán dùm 03 lô đất nên anh tin tưởng và mua đất, giao tiền cọc, đóng tiền thuế và giao tiền mặt cho bị cáo nhiều lần tổng cộng là 351.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì anh Y nhiều lần yêu cầu bị cáo liên hệ với các chị em để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh, bị cáo sử dụng sim điện thoại khuyến mãi giả giọng chị P hẹn anh nhằm kéo dài thời gian. Đến tháng 12/2018 anh Y phát hiện sự việc nên đã làm đơn tố cáo đến Công an nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị Kim O phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo cho rằng không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cấp sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy giao kèo đặt cọc và bán đất giữa anh Y với bị cáo là giao dịch dân sự vô hiệu ngay từ khi ký kết hợp đồng. Bởi lẽ bên người bán là các chị L, P và Y1, còn bị cáo O chỉ ký tên nhận thay. Khi đó 03 thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản thân anh Y cũng biết được 03 thửa đất này không phải của bị cáo mà anh vẫn đồng ý mua. Anh Y cho rằng do bị cáo có nói các chị em bị cáo nhờ bị cáo bán dùm, nhưng anh cũng không kiểm tra mà tin tưởng giao tiền. Trong việc này anh Y cũng có lỗi là không hỏi chủ đất xem có bán hay không. Hơn nữa anh Y cũng thừa nhận là khi nào đất có giấy chủ quyền thì các chị em của bị cáo sẽ ra Phòng công chứng làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Y cũng thừa nhận là bị cáo nói các chị em của bị cáo nhờ bị cáo bán đất, anh cũng không tin là bị cáo sẽ được ủy quyền làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh nên anh mới có thỏa thuận là các chị em của bị cáo sẽ ra Phòng công chứng làm Hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh, nếu không làm hợp đồng được thì sẽ trả tiền cọc và bồi thường tiền đặt cọc. Anh Y cũng xác định rằng tại thời điểm anh và bị cáo làm giấy giao kèo bán đất thì anh nghĩ bị cáo chỉ là người trung gian bán đất, chứ không phải là chủ đất thật sự. Sau khi có giấy chủ quyền đất rồi anh có yêu cầu bị cáo hẹn các chị em của bị cáo ra Phòng công chứng làm hợp đồng mà bị cáo hứa hẹn nhiều lần nên anh có làm đơn gửi Phòng Giáo dục và Ủy ban nhân dân xã yêu cầu bị cáo trả lại tiền, nhưng bị cáo không trả nên anh có đơn gửi Công an xử lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất làm rõ ý thức gian dối của bị cáo để chiếm đoạt tiền, trong khi đó anh Y là người bị hại trong vụ án cũng có lỗi như đã phân tích trên. Hơn nữa anh Y tự ý đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trực tiếp nhận 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các chị L, Y1 và P mà không được sự đồng ý hay ủy quyền của những người này là không đúng theo trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất mà cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C điều tra lại theo quy định của pháp luật. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử chưa đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của Luật sư, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm c khoản 1 điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HSST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang điều tra lại theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thơ